



cán hài

残害

verb · to cruelly harm; to persecute

Example Sentences

Tā men cán hài le xǔ duō wú gū de rén
他们残害了许多无辜的人。

They cruelly harmed many innocent people.

Zhè zhǒng xíng wéi shì duì shēng mìng de cán hài
这种行为是对生命的残害。

This kind of behavior is a persecution of life.

Trace each character, then write the word on your own.

残	残	残	残	残	残	残	残	残	残	残
残										

害	害	害	害	害	害	害	害	害	害	害
害	害									
